TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG HƯNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 38/2023/HS-ST
Ngày 18/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

2. Bà Nguyễn Thị Là.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Huân- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự t hụ lý số 21/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2022/QĐXXST- HS ngày 20 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2023/QĐ-HĐXX ngày 05 tháng 5 năm 2023 đối với bị cáo:

Vũ Văn V, sinh năm 1988 tại Thái Bình; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn N (đã chết) và bà Bùi Thị N, sinh năm 1962; có vợ là Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1986 và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2015, con nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Quyết định xử phạt hành chính số 01301/QĐ-XPHC ngày 04/9/2016 của Công an huyện Đông Hưng xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi đánh bạc, đã nộp xong tiền phạt ngày 05/9/2016; bị tạm giữ từ ngày 05/01/2023 đến ngày 11/01/2023 chuyển tạm giam (có mặt tại phiên tòa).

**** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

- Anh Phạm V1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Chị Trương Thị N2, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn Ng, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Anh Vũ Hải N3, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Anh Trần Trung H2, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Anh Phạm Bá Q, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Anh Đào Việt Đ, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Đình Q1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 02/9/2021 đến ngày 03/01/2023, tại chỗ ở của mình ở thôn L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình Vũ Văn V đã có hành vi nhiều lần, cho 09 người vay tổng số tiền 340.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm, gấp 5,475 đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính số tiền 180.975.928 đồng. Cụ thể như sau:

1. Anh Phạm Bá Q ở thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình:

- *Lần thứ 1*: Do cần tiền đầu tư kinh doanh nên ngày 24/01/2022 anh Q đến nhà của V vay số tiền 100.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tức là mỗi ngày anh Q phải trả cho V 500.000 đồng/100.000.000 đồng tiền lãi), tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự, anh Q hẹn 30 ngày sau sẽ trả cho V cả tiền gốc và tiền lãi, V đồng ý cho anh Q vay số tiền trên. Đến ngày 24/02/2022, anh Q đã trả cho V tiền gốc và tiền lãi là 115.000.000 đồng. Đối với khoản vay này theo quy định của Bộ luật Dân sự thì V chỉ được phép thu tiền lãi của anh Q là (100.000.000 đồng × 20% : 365 ngày) × 30 ngày = 1.643.853 đồng, nhưng V đã thu của anh Q tiền lãi 15.000.000 đồng.

- *Lần thứ 2*: Ngày 26/4/2022, anh Q vay của Vsố tiền 50.000.000 đồng, với mức lãi suất như trên. Anh Q hẹn khi nào có tiền sẽ trả tiền gốc và hai bên thống nhất cứ 15 ngày anh Q phải trả tiền lãi cho V là 3.750.000 đồng (250.000 đồng × 15 ngày). Đối với khoản vay này, tính từ ngày 26/4/2022 đến ngày 03/01/2023 (ngày bị phát hiện) là 253 ngày, theo thỏa thuận số tiền lãi anh Q phải trả cho Vlà (253 ngày × 250.000 đồng) = 63.250.000 đồng, do làm ăn khó khăn anh Quang trả cho V được 56.200.000 đồng tiền lãi, chưa trả được tiền gốc. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, V chỉ được phép thu tiền lãi của anh Q là (50.000.000 đồng × 20%

: 365 ngày) × 253 ngày = 6.931.507 đồng. Xác định số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự đối với V cho anh Q vay hai khoản tiền trên là: (15.000.000 đồng + 63.250.000 đồng – 1.643.853 đồng – 6.931.507 đồng) = 69.674.640 đồng.

2. Chị Nguyễn Thị T ở thôn Đ, xã M, huyện Đ:

Do cần tiền chi tiêu, nên ngày 28/9/2021 chị T đến nhà V vay số tiền 30.000.000 đồng, hai bên thoả thuận mức lãi suất vay là 3.000.000 đồng/30.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng số tiền 3.333 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tức là mỗi ngày chị T phải trả cho V số tiền lãi là (0,333% × 30.000.000 đồng = 100.000 đồng), tương ứng với mức lãi suất 121,67%/năm, gấp 6,08 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự. Hai bên thống nhất cứ đủ 30 ngày chị T trả tiền lãi cho V số tiền 3.000.000 đồng/30.000.000 đồng; khi vay tiền chị T không hứa hẹn thời gian trả tiền gốc. Tính từ ngày 28/9/2021 đến ngày 03/01/2023 (ngày phát hiện) là 463 ngày, theo như thỏa thuận thì số tiền lãi chị Tâm phải trả cho V là (463 ngày x× 100.000 đồng/ngày) = 46.300.000 đồng, đến ngày 27/12/2022 chị T đã trả tiền lãi cho V được 45.000.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Theo quy định của pháp luật thì V chỉ được phép thu tiền lãi của chị T vay từ ngày 28/9/2021 đến ngày 03/01/2023 là (30.000.000 đồng × 20% : 365 ngày) × 463 ngày = 7.610.959 đồng. Như vậy, xác định số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự đối với V cho chị T vay khoản tiền trên là 46.300.000 đồng – 7.610.959 đồng = 38.689.041 đồng.

3. Chị Trương Thị N2 ở thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình:

Do cần tiền làm vốn buôn bán nên ngày 22/11/2021, chị N2 vay của Vsố tiền 100.000.000 đồng và hẹn 01 tháng sau sẽ trả cả tiền gốc và tiền lãi. Vững đồng ý cho chị N2 vay số tiền trên và yêu cầu chị N2 viết giấy vay tiền với lý do để đặt cọc mua xe ô tô, với mức lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tức là mỗi ngày chị N2phải trả cho V số tiền lãi là 0,5% × 100.000.000 đồng = 500.000 đồng), tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự. Sau khi vay tiền của V, ngày 23/12/2021, chị N2 chuyển khoản trả cho V được 60.000.000 đồng tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi. Số tiền gốc còn lại 40.000.000 đồng chị N2 chưa trả được nên tiếp tục vay của V và hai bên thỏa thuận mức lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tức là mỗi ngày chị N2 phải trả cho V số tiền 0,3% × 40.000.000 đồng = 120.000 đồng), chị N2 không hứa hẹn thời gian trả tiền gốc. Hằng tháng, chị N2 đều sử dụng tài khoản của mình trả tiền lãi cho V qua tài khoản của vợ V là chị Nguyễn Thị Hồng H. Từ ngày 24/12/2021 đến ngày 25/4/2022 chị N2 đã trả cho V 18.000.000 đồng tiền gốc và 13.000.000 đồng tiền lãi của khoản vay 40.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 22.000.000 đồng chị N2 chưa trả được nên tiếp tục vay với lãi suất như trên. Đối với khoản vay 40.000.000 đồng, tính từ ngày 24/12/2021 đến ngày 25/4/2022 là 123 ngày, theo thỏa thuận số tiền lãi chị N2 phải trả cho V là (123 ngày × 120.000 đồng/1 ngày) = 14.760.000 đồng, chị N2 mới trả cho V được 13.000.000 đồng tiền lãi. Đến ngày 16/5/2022 chị N2 chuyển khoản trả cho V số tiền gốc 13.000.000 đồng, chưa trả tiền lãi và còn nợ tiền gốc là 9.000.000 đồng. Đối với khoản vay 22.000.000 đồng, tính từ ngày 26/4/2022 đến ngày 16/5/2022 là 21 ngày, theo thỏa thuận số tiền lãi chị N2 phải trả cho V là (21 ngày × 66.000

đồng) = 1.386.000 đồng. Tiếp đến ngày 15/6/2022 chị N2 trả V 4.000.000 đồng tiền gốc, số tiền gốc còn lại 5.000.000 đồng và toàn bộ tiền lãi còn nợ, do làm ăn khó khăn chị N2 xin V, V đồng ý cho chị N2 số tiền gốc và lãi còn nợ. Đối với khoản tiền vay 9.000.000 đồng, tính từ ngày 17/5/2022 đến ngày 15/6/2022 (ngày V cho chị N2 tiền gốc và tiền lãi) là 30 ngày, theo thỏa thuận chị N2 phải trả cho V tiền lãi là (30 ngày × 27.000 đồng/1 ngày) = 810.000 đồng. Như vậy, đối với khoản tiền vay 100.000.000 đồng từ ngày 22/11/2021 đến ngày 23/12/2021 thì số tiền lãi tối đa theo quy định V được phép thu của chị N2 là (100.000.000 đồng × 20% : 365 ngày) × 30 ngày = 1.643.853 đồng; đối với khoản vay 40.000.000 đồng từ ngày 24/12/2021 đến ngày 25/4/2022 theo quy định V được phép thu của chị N2 là (40.000.000 đồng × 20% : 365 ngày) × 123 ngày = 2.695.890 đồng; đối với khoản tiền vay 22.000.000 đồng từ ngày 26/4/2022 đến ngày 16/5/2022 theo quy định V được phép thu của chị N2 là (22.000.000 đồng × 20% : 365 ngày) × 21 ngày = 253.151 đồng; đối với khoản tiền vay 9.000.000 đồng từ ngày 17/5/2022 đến ngày 15/6/2022 theo quy định V được phép thu của chị N2 là (9.000.000 đồng × 20% : 365 ngày) × 30 ngày = 147.945 đồng. Xác định số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự đối với V cho chị N2 vay các khoản tiền trên là 15.000.000 đồng + 14.760.000 đồng + 1.386.000 đồng + 810.000 đồng – 1.643.853 đồng - 2.695.890 đồng –253.151 đồng – 147.945 đồng = 27.215.161 đồng.

4. Anh Phạm V1, ở thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình:

Do cần tiền chi tiêu anh V1 đã hai lần vay của V số tiền 15.000.000 đồng (lần 01 ngày 07/3/2022 vay 10.000.000 đồng, lần 02 ngày 11/3/2022 vay 5.000.000 đồng); anh V1 không hứa hẹn thời gian trả tiền gốc. V đồng ý cho V1vay số tiền trên và yêu cầu anh V1 phải trả lãi 02 khoản vay là (3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày), hai bên thỏa thuận đủ 30 ngày anh V1 trả tiền lãi cho V tương ứng với từng khoản vay (tức là mỗi ngày anh V phải trả số tiền lãi là 0,3% × 10.000.000 đồng) = 30.000 đồng của khoản tiền vay thứ nhất và 0,3% × 5.000.000 đồng = 15.000 đồng của khoản tiền vay thứ hai), tương ứng với mức lãi xuất 109,5%/năm, gấp 5,475 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự. Hằng tháng anh V1 chuyển tiền lãi trả cho V qua tài khoản của vợ V. Đối với khoản vay 10.000.000 đồng, từ ngày 07/3/2022 đến ngày 03/01/2023 (ngày phát hiện) là 303 ngày, theo thỏa thuận số tiền lãi anh V1 phải trả cho V là (303 ngày × 30.000 đồng/ngày) = **9.090.000** đồng; đối với khoản vay 5.000.000 đồng, từ ngày 11/3/2022 đến ngày 03/01/2023 là 299 ngày, theo thỏa thuận số tiền lãi anh V1 phải trả cho V là (299 ngày × 15.000 đồng/ngày) = 4.485.000 đồng, đến ngày phát hiện anh V1 mới trả cho V 09 tháng tiền lãi (270 ngày) của 2 khoản vay trên số tiền là 10.350.000 đồng, anh V1 chưa trả tiền gốc 15.000.000 đồng cho V. Do kinh tế khó khăn nên anh V1 xin V1số tiền lãi còn nợ, V1 đồng ý. Theo quy định của Bộ luật Dân sự thì đối với khoản vay 10.000.000 đồng, từ ngày 07/3/2022 đến ngày 03/01/2023 Vững chỉ được phép thu tiền lãi của anh V1 là (10.000.000 đồng × 20% : 365 ngày) × 303 ngày = 1.660.274 đồng; đối với khoản vay thứ hai 5.000.000 đồng, từ ngày 11/3/2022 đến ngày 03/01/2023 V1 chỉ được phép thu tiền lãi của anh Việt là (5.000.000 đồng x 20%/365 ngày) × 299 ngày = 819.178 đồng. Như

vậy xác định số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự đối với V cho anh V1 vay hai khoản tiền trên là 9.090.000 đồng + 4.485.000 đồng – 1.660.274 đồng - 819.178 đồng = 11.095.548 đồng.

5. Anh Vũ Hải N3, ở thôn P, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình;

Lần thứ 1: Do cần tiền chi tiêu nên ngày 03/12/2021, anh N3 vay của Vsố tiền 10.000.000 đồng, với lãi suất thỏa thuận là 1.000.000 đồng/10.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng với mức lãi suất 3.333 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tức là mỗi ngày anh N3 phải trả cho V số tiền lãi là 0,333% × 10.000.000 đồng = 33.330 đồng), tương ứng với mức lãi suất 121,67%/năm, gấp 6,08 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự. Hai bên thống nhất đủ 30 ngày anh N2 sẽ trả tiền lãi cho V; khi vay tiền, anh N3 không hứa hẹn thời gian trả tiền gốc, không viết giấy vay tiền. Khoản vay này từ ngày 03/12/2021 đến ngày 03/02/2022 là 60 ngày anh N3 đã trả cho V số tiền lãi theo thỏa thuận là **2.000.000** đồng.

Lần thứ 2: Ngày 03/02/2022, anh N3 vay tiếp của Vững 10.000.000 đồng nữa, tổng số tiền anh N3 vay của V cả cũ và mới là 20.000.000 đồng, với lãi suất như trên, mỗi ngày anh N3 phải trả cho V số tiền lãi là (0,333% × 20.000.000 đồng) = 66.660 đồng. Khoản vay này, từ ngày 03/02/2022 đến ngày 11/8/2022 (ngày anh N3 thanh toán xong tiền nợ gốc và tiền lãi với Vững) là 190 ngày, theo thỏa thuận số tiền lãi anh N3 phải trả cho V là (190 ngày × 66.660 đồng) = 12.665.400 đồng, anh N3 đã trả cho V được 9.000.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi còn thiếu của tháng 7 và tháng 8/2022, do làm ăn khó khăn nên anh N3 xin V, V đồng ý cho anh N3. Theo quy định của Bộ luật Dân sự, khoản vay 10.000.000 đồng, từ ngày 03/12/2021 đến ngày 03/02/2022 số tiền lãi V được phép thu của anh N3 là (10.000.000 đồng × 20% : 365 ngày) × 60 ngày = 328.767 đồng; khoản vay 20.000.000 đồng, từ ngày 03/02/2022 đến ngày 11/8/2022 số tiền lãi Vững được phép thu của anh N3 là (20.000.000 đồng × 20% : 365 ngày) × 190 ngày = 2.082.178 đồng. Như vậy xác định số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự đối với V cho anh N3 vay hai khoản tiền trên là 12.665.400 đồng + 2.000.000 đồng – 328.767 đồng - 2.082.178 đồng = 12.254.455 đồng.

6. Anh Nguyễn Đình Q1 ở thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình:

Do cần tiền chi tiêu nên ngày 17/01/2022 anh Q1 vay của V số tiền 5.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tức là mỗi ngày anh Q1 phải trả cho V số tiền lãi là (0,5% × 5.000.000 đồng) = 25.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự. Hai bên thống nhất sau 30 ngày thì anh Q1 phải trả cho Vsố tiền lãi là 750.000 đồng; khi vay tiền anh Q1 không hứa hẹn thời gian trả tiền gốc. Đối với khoản vay này, từ ngày 17/01/2022 đến ngày 15/7/2022 (ngày anh Q1 thanh toán xong tiền gốc và tiền lãi) là 180 ngày, theo thỏa thuận số tiền lãi anh Q1 phải trả cho V là (180 ngày × 25.000 đồng/1 ngày) = 4.500.000 đồng, anh Q1 đã trả đủ tiền lãi 4.500.000 đồng và tiền gốc 5.000.000 đồng cho V. Theo quy định khoản vay 5.000.000 đồng, từ ngày 17/01/2022 đến ngày 15/7/2022 số tiền lãi V được phép thu của anh Q1 là (5.000.000 đồng × 20%/365 ngày) × 180 ngày = 493.151 đồng. Như vậy xác định số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự đối với V

cho anh Q1 vay khoản tiền trên là 4.500.000 đồng – 493.151 đồng = 4.006.849 đồng.

7. Anh Nguyễn Xuân H1ở thôn H xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình:

Do cần tiền chi tiêu nên ngày 15/01/2022 anh H1 vay của V số tiền 12.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận 1.500.000 đồng/12.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng với mức lãi suất 4.167 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày (tức là mỗi ngày anh H1 phải trả cho V số tiền lãi là 1.500.000 đồng/30 ngày = 50.000 đồng), tương ứng với mức lãi suất 152.8%/năm, gấp 7,604 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự. Hai bên thống nhất cứ đủ 30 ngày anh H1phải trả cho V 1.500.000 đồng tiền lãi, hai bên không hứa hẹn thời gian trả tiền gốc. Khoản vay này, từ ngày 15/01/2022 đến ngày 20/7/2022 (ngày anh H1 xin V không trả lãi nữa, V đồng ý) là 187 ngày, theo thỏa thuận số tiền lãi anh H1 phải trả cho V là (187 ngày × 50.000 đồng/1 ngày) = 9.350.000 đồng, anh H1 đã trả cho V được 5.500.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc và xin V sau ngày 20/7/2022 không trả tiền lãi, V đồng ý. Theo quy định khoản vay 12.000.000 đồng, từ ngày 15/01/2022 đến ngày 20/7/2022 số tiền lãi V được phép thu của anh H1 là (12.000.000 đồng × 20% : 365 ngày) × 187 ngày = 1.229.589 đồng. Như vậy xác định số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự đối với V cho anh H1 vay khoản tiền trên là 9.350.000 đồng – 1.229.589 đồng = 8.120.411 đồng.

8. Anh Đào Việt Đ ở thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình;

Do cần tiền chi tiêu nên ngày 02/9/2021 anh Đ vay của V số tiền 3.000.000 đồng, với mức lãi suất thỏa thuận 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tức là mỗi ngày anh Đ phải trả cho V số tiền lãi là (0,5% × 3.000.000 đồng) = 15.000 đồng, tương ứng với mức lãi suất 182,5%/năm, gấp 9,125 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự. Hai bên thống nhất cứ đủ 30 ngày, anh Đ phải trả cho V số tiền lãi là (15.000 đồng × 30 ngày) = 450.000 đồng, hai bên không hứa hẹn thời gian trả tiền gốc. Đối với khoản vay này, từ ngày 02/9/2021 đến ngày 15/8/2022 (ngày anh Đ thanh toán xong tiền gốc và tiền lãi với V) là 348 ngày, theo thỏa thuận số tiền lãi anh Đ phải trả cho V là (348 ngày ×15.000 đồng/1 ngày) = 5.220.000 đồng, anh Đ đã trả cho V 4.950.000 đồng tiền lãi và 3.000.000 đồng tiền gốc. Theo quy định khoản tiền vay 3.000.000 đồng từ ngày 02/9/2021 đến ngày 15/8/2022, số tiền lãi V được phép thu của anh Đ là (3.000.000 đồng × 20% : 365 ngày) × 348 ngày = 572.055 đồng. Như vậy xác định số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự đối với V cho anh Đ vay khoản tiền trên là 5.220.000 đồng – 572.055 đồng = 4.647.945 đồng.

9. Anh Trần Trung H2 ở thôn H, xã H, huyện Đông Hưng:

Do cần tiền chi tiêu nên ngày 23/4/2022, anh H2 vay của V số tiền 5.000.000 đồng, với mức lãi suất thoả thuận là 700.000 đồng/5.000.000 đồng/30 ngày, tương ứng với 4.667 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tức là mỗi ngày anh H2 phải trả cho V số tiền lãi là 700.000 đồng : 30 ngày = 23.333 đồng, tương ứng với mức lãi suất 170,3%/năm, gấp 8,516 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật Dân sự. Hai bên thống nhất cứ đủ 30 ngày, anh H2 phải trả tiền lãi cho V số tiền 700.000 đồng; khi vay hai bên không hứa hẹn thời gian trả tiền gốc. Đối với khoản vay này, sau khi vay tiền hằng tháng anh H2 chuyển tiền lãi trả cho V qua tài khoản của vợ V. Từ ngày ngày 23/4/2022 đến ngày 03/01/2023 (ngày phát hiện) là 256 ngày, theo thỏa thuận số tiền lãi anh H2 phải trả cho V là (256 ngày × 23.333 đồng/1 ngày = 5.973.248 đồng, anh H2 đã trả cho V 4.900.000 đồng tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Theo quy định khoản tiền vay 5.000.000 đồng từ ngày 23/4/2022 đến

ngày 03/01/2023, số tiền lãi V được phép thu của anh H2 là (5.000.000 đồng × 20% : 365 ngày) × 256 ngày = 701.370 đồng. Như vậy xác định số tiền thu lợi bất chính để xử lý trách nhiệm hình sự đối với V cho anh H2 vay khoản tiền trên là 5.973.248 đồng – 701.370 đồng = 5.271.878 đồng.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo thành thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng đã truy tố. Bị cáo không có khiếu nại gì về hành vi và quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Hồng H khai: Do V (chồng chị) không có số tài khoản Ngân hàng nên chị cho V mượn tài khoản Ngân hàng để chuyển tiền cho vay và nhận tiền lãi vay hằng tháng. Chị không được V trao đổi, bàn bạc và không biết V cho vay với mức lãi suất là bao nhiêu. Khi người vay gửi trả tiền, chị đều rút tiền trong tài khoản và đưa lại cho V.

Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng quản lý của chị 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, vỏ màu vàng, số IMEI: 357261091819562 bên trong lắp số sim 0356008862. Chiếc điện thoại trên chị sử dụng để liên lạc công việc gia đình hằng ngày; chị đề nghị được nhận lại điện thoại.

- Lời khai tại Cơ quan điều tra của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều thể hiện: Họ đã vay tiền của V và phải trả lãi suất cao cho V như lời khai của V. Họ đều đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 25/CT- VKSĐH ngày 21 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân huyện Đông Hưng truy tố bị cáo Vũ Văn Vững về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trên và Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn V mức án từ 09 tháng tù đến 01 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 05/01/2023.

Phạt bổ sung bị cáo từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

Áp dụng: Điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao đề nghị:

- Tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, vỏ màu vàng hồng, đã qua sử dụng, số IMEI: 353281078746731 bên trong lắp số sim 0372.345.696 của Vũ Văn V do sử dụng vào việc phạm tội;

- Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng mà người vay đã trả để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự mà người vay đã trả để tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội (cho vay lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự).

- Buộc những người vay nộp lại số tiền vay của bị cáo nhưng chưa trả cho bị cáo để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Trả lại chị Nguyễn Thị Hồng H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, vỏ màu vàng, số IMEI: 357261091819562 bên trong lắp số sim 0356008862.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tranh luận:

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Hồng H không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của bản thân và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt chính cũng như hình phạt bổ sung cho bị cáo. Điều kiện kinh tế của gia đình bị cáo rất khó khăn, bản thân bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định, vợ chồng bị cáo có 04 con nhỏ và hiện tại vợ bị cáo đang mang thai con thứ 5, gia đình bị cáo còn đang phải ở nhờ bên nhà ngoại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đông Hưng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và được chứng minh bằng các tài liệu như bản sao kê tài khoản số 9290182234568 tại Ngân hàng Mbbank của Nguyễn Thị Hồng H (vợ V); số tài khoản 2630108348004 tại Ngân hàng MB Bank của anh Phạm V1; số tài khoản 6698686686686 tại Ngân hàng MB Bank của chị Trương Thị N2; số tài khoản 000888123 tại Ngân hàng MB Bank của anhVũ Hải N3; số tài khoản 688171771992 tại Ngân hàng MB Bank của chị Nguyễn Thị T; số tài khoản 0211000542901 tại Ngân hàng Vietcombank của anh Nguyễn Đình Q; số tài khoản 109875114291 tại Ngân hàng Vietinbank của anh Nguyễn Xuân H1; số tài khoản 1018716311890 tại Ngân hàng Vietinbank của anh Đào Việt Đ; số tài khoản 19077734943012 tại Ngân hàng Techcombankcủa anh Trần Trung H2 và số tài khoản 19031298272019 tại Ngân hàng Techcombank của anh Phạm Bá Q. Kết quả sao kê tài khoản do Ngân hàng cung cấp phản ánh

các giao dịch giữa V và những người đã vay tiền của V phù hợp nhau về việc chuyển tiền cho vay và tiền lãi đã trả cho V; cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sơ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 02/9/2021 đến ngày 03/01/2023, Vũ Văn V đã có hành vi nhiều lần cho 09 người vay số tiền 340.000.000 đồng, với mức lãi suất từ 109,5% đến 182,5%/năm, gấp 5,475 đến 9,125 lần mức lãi suất cao nhất (cáo hơn 05 lần mức lãi suất cao nhất 20%/năm) quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính số tiền 180.975.928 đồng. Trong đó anh Phạm Bá Q đã vay V hai lần với tổng số tiền 150.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị T vay 30.000.000 đồng, thu lợi bất chính của anh Q và chị T số tiền trên 30.000.000 đồng. Ngoài ra Vững còn cho chị Trương Thị Ngọc vay 100.000.000 đồng, anh Vũ Hải N3 20.000.000 đồng, anh Phạm V1 vay 15.000.000 đồng, anh Nguyễn Xuân H1 vay 12.000.000 đồng, anh Nguyễn Đình Q vay 5.000.000 đồng, anh Trần Trung H2 vay 5.000.000 đồng và anh Đào Việt Đ vay 3.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền dưới 30.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", với tình tiết định khung quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự

*"**1**. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.*

***2**. Phạm tội mà thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

***3**. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm»*.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về tín dụng. Bị cáo chỉ vì động cơ, mục đích lợi ích cá nhân, bất chấp các qui định của pháp luật, lợi dụng những người gặp khó khăn về kinh tế, đã cho vay với lãi suất cao, nhằm thu lợi bất chính. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây hoang mang lo lắng trong nội bộ quần chúng nhân dân. Do đó phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự và có hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, xét thấy:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo cho anh Q và chị T vay tiền và thu lợi bất chính của anh Q và chị T mỗi người trên 30.000.000 đồng nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên", quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình tố tụng bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân và trong giai đoạn truy tố bị cáo đã tác động đến

gia đình tự nguyện nộp số tiền 50.000.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng để khắc phục hậu quả nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử, quyết định mức hình phạt tương xứng để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có công ăn việc làm và không có thu nhập ổn đinh; chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, vợ chồng có 04 con nhỏ hiện vợ lại đang mang thai con thứ 5; vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức tiền phạt bổ sung cho bị cáo thấp hơn mức đề nghị của Viện Kiểm sát tại phiên tòa

[5] Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm:

Căn cứ Điều 5 của Nghị quyết số 01/2021/NQ- HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn thì: vật, tiền liên quan đến việc phạm tội được xử lý như sau:

- Số tiền bị cáo sử dụng vào việc cho vay lãi nặng mà người vay đã trả (gồm: Anh Phạm Bá Q đã trả 100.000.000 đồng, chị Trương Thị N2 đã trả 100.000.000 đồng, anh Vũ Hải N3 đã trả 20.000.000 đồng, anh Nguyễn Đình Qđã trả 5.000.000 đồng, anh Đào Việt Đ đã trả 3.000.000 đồng; tổng cộng 228.000.000 đồng) cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung Ngân sách nhà nước;

- Số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo thu được từ người vay (gồm: anh Phạm Bá Quang trả 8.575.360 đồng, chị Nguyễn Thị T trả 7.610.959 đồng, chị Trương Thị N2 trả 4.740.839 đồng, anh Phạm V1 trả 2.479.452 đồng, anh Vũ Hải N3 trả 2.410.945 đồng, anh Nguyễn Đình Q trả 493.151 đồng, anh Nguyễn Xuân H1 trả 1.229.589 đồng, anh Đào Việt Đ trả 572.055 đồng, anh Trần Trung H2 trả 701.370 đồng; tổng cộng 28.813.720 đồng) cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho những người vay số tiền lãi bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội (cho vay lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự); cụ thể bị cáo phải trả: anh Phạm Bá 62.624.640 đồng, chị Nguyễn Thị T 37.389.041 đồng, chị Trương Thị N2 23.259.161 đồng, anh Phạm V1 7.870.548 đồng, anh Vũ Hải N3 8.589.055 đồng, anh Nguyễn Đình Q 4.006.849 đồng, anh Nguyễn Xuân H1 4.270.411 đồng, anh Đào Việt Đ 4.377.945 đồng, anh Trần Trung H2 4.198.630 đồng.

- Buộc những người vay nộp lại số tiền vay chưa trả bị cáo để tịch thu sung ngân sách Nhà nước (gồm: anh Phạm Bá Q phải nộp lại 50.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T phải nộp lại 30.000.000 đồng, anh Phạm V1 phải nộp lại 15.000.000 đồng, anh Nguyễn Xuân H1 phải nộp lại 12.000.000 đồng, anh Trần Trung H2 phải nộp lại 5.000.000 đồng).

- Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, vỏ màu vàng hồng, đã qua sử dụng, số IMEI: 353281078746731 bên trong lắp số sim 0372.345.696 của Vũ Văn V do sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Trả lại chị Nguyễn Thị Hồng H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, vỏ màu vàng, số IMEI: 357261091819562 bên trong lắp số sim 0356008862.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

[8] Trong vụ án này: Chị Nguyễn Thị Hồng H là vợ của V được V nhờ tài khoản để nhận tiền và chuyển tiền của V cho những người vay. Chị Hạnh biết V cho vay tiền nhưng không biết cho vay với mức lãi suất bao nhiêu, sau khi nhận chuyển tiền chị H đã rút ra trả cho V toàn bộ số tiền V nhờ chị nhận và chuyển. Vì vậy, chị H không bị xem xét xử lý về hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn V phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50; Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn V 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 05/01/2023.

Phạt bổ sung Vũ Văn V 10.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật, tiền liên quan trực tiếp đến tội phạm: Áp dung điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự. Điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết 01/2021/NQ- HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

- Buộc bị cáo Vũ Văn V phải nộp lại số tiền bị cáo dùng cho vay mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trả là 228.000.000 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Vũ Văn V phải nộp lại số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự mà bị cáo thu được từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 28.813.720 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Tổng số tiền bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung ngân sách nhà nước là: 256.813.720 đồng. Đối trừ với số tiền 50.000.000 đồng gia đình bị cáo nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng theo Biên lai thu tiền số 0001207 ngày 06/3/2023; bị cáo còn phải nộp là 206.813.720 đồng.

- Buộc bị cáo Vũ Văn V phải trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lãi bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội (cho vay lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất theo qui định của Bộ luật dân sự). cụ thể:

+ Trả anh Phạm Bá Q, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình số tiền 62.624.640 đồng.

+ Trả chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình số tiền 37.389.041 đồng.

+ Trả chị Trương Thị N2, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn N, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình số tiền 23.259.161 đồng.

+ Trả anh Phạm V1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn H, xã Lô Giang, huyện Đ, tỉnh Thái Bình số tiền 7.870.548 đồng.

+ Trả anh Vũ Hải N3, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn P, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình số tiền 8.589.055 đồng.

+ Trả anh Nguyễn Đình Q, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn H 2, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình số tiền 4.006.849 đồng.

+ Trả anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình số tiền 4.270.411 đồng.

+ Trả anh Đào Việt Đ, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình số tiền 4.377.945 đồng.

+ Trả anh Trần Trung H2, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình số tiền 4.198.630 đồng.\

- Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau đây phải nộp lại số tiền vay chưa trả bị cáo Vũ Văn V để tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Gồm:

+ Anh Phạm Bá Q, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng.

+ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình phải nộp lại số tiền 30.000.000 đồng.

+ Anh Phạm V1, sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn H, xã L, huyện Đ, tỉnh Thái Bình phải nộp lại số tiền 15.000.000 đồng.

+ Anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình phải nộp lại số tiền 12.000.000 đồng.

+ Anh Trần Trung H2, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình phải nộp lại số tiền 5.000.000 đồng.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s plus, vỏ màu vàng hồng, số IMEI: 353281078746731 bên trong lắp số sim 0372.345.696 của Vũ Văn V .

- Trả lại chị Nguyễn Thị Hồng H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max, vỏ màu vàng, số IMEI: 357261091819562 bên trong lắp số sim 0356008862.

(02 chiếc điện thoại trên đã được bàn giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hưng ngày 22/3/2023).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Bị cáo Vũ Văn V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn15 ngày (kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đối với người có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật đối với người vắng mặt tại phiên tòa).

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- VKSND H.Đông Hưng;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT; Nhà tạm giữ Công an H.Đông Hưng;
- Chi cục THADS H.Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án, cơ quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
đã ký

Lê Kiên Trung